

Tên:

Từ vựng & Ngữ pháp:

Lớp: S2...

Nghe:

Ngày giao bài: Thứ..., ngày.../.../...

Ngày nộp bài: Thứ..., ngày.../.../...



GLOBAL ENGLISH 2

Unit 1+2 - Supplementary Vocabulary + Revision

A. VOCABULARY

❖ Places (Các địa điểm)

pet shop (n) cửa hàng thú cưng	bookshop (n) cửa hàng sách	toy shop (n) cửa hàng đồ chơi	sweet shop (n) cửa hàng bánh kẹo
clothes shop (n) cửa hàng quần áo	phone shop (n) cửa hàng điện thoại	gift shop (n) cửa hàng quà tặng	bicycle shop (n) cửa hàng xe đạp

❖ Objects (Các vật dụng)

desk (n) bàn học / bàn làm việc	window (n) cửa sổ	curtain (n) rèm cửa
artwork (n) tác phẩm nghệ thuật / bức tranh	electricity (n) điện	batteries (n) pin

B. EXTRA VOCABULARY

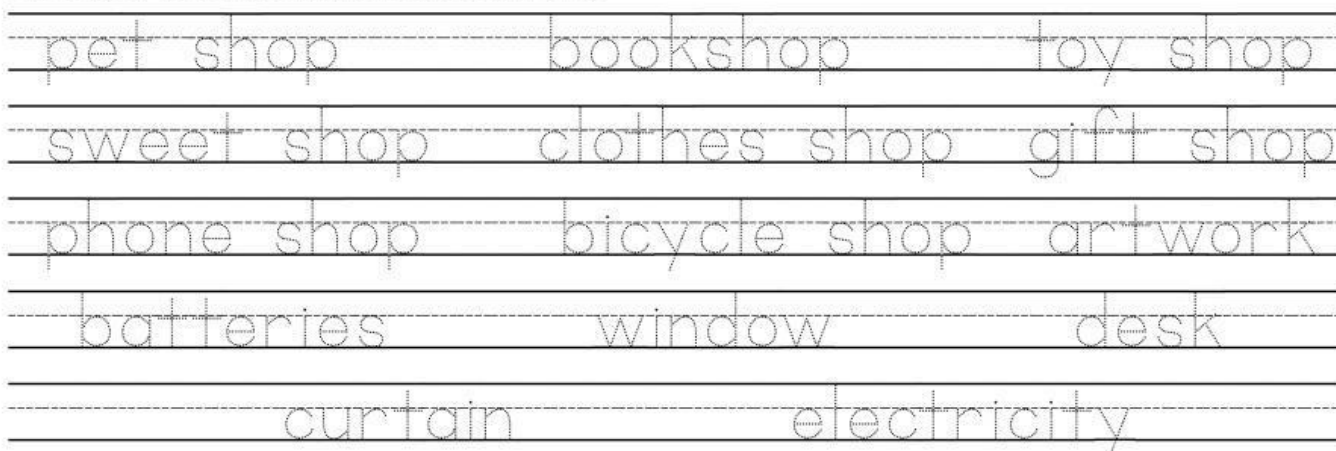
No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	trousers (n)	quần dài	4	shorts (n)	quần soóc
2	sports (n)	thể thao	5	buy (v)	mua
3	badminton (n)	cầu lông			

***Note:** n = noun: danh từ; v = verb: động từ.

***Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi.**

C. HOMEWORK

Exercise 1. Trace the letters. (Tô theo chữ cái.)



Exercise 2. Unscramble the letters. (Sắp xếp lại các chữ cái để tạo thành từ đúng.)

0. s/e/i/r/e/b/t/t/a → batteries 	1. d/s/e/k → 	2. w/o/d/n/i/w → 
3. u/t/c/r/a/i/n → 	4. r/w/t/r/o/k/a → 	5. y/c/t/l/e/r/i/i/c/e/t → 

Exercise 3. Fill in each blank with the correct word. (Điền từ đúng vào mỗi chỗ trống.)

pet shop bookshop toy shop ~~phone shop~~ gift shop bicycle shop

0. I buy a new phone in the <u>phone shop</u>. 	1. I buy gifts in the 	2. There are cats and dogs in the 
3. I can buy a bike in the 	4. I can buy toys in the 	5. I can read books in the 

Exercise 4. Circle the correct answers. (Khoanh tròn đáp án đúng.)

- He to school yesterday.
A. walking **B. walked**
- My mom the dishes yesterday morning.
A. washing B. washed
- We in the garden last night.
A. worked B. working
- Sarah in the park yesterday afternoon.
A. plays B. played
- The baby on the bed last night.
A. jump B. jumped
- They their homework after dinner yesterday.
A. finished B. finish



<https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-part-1>

Part 1

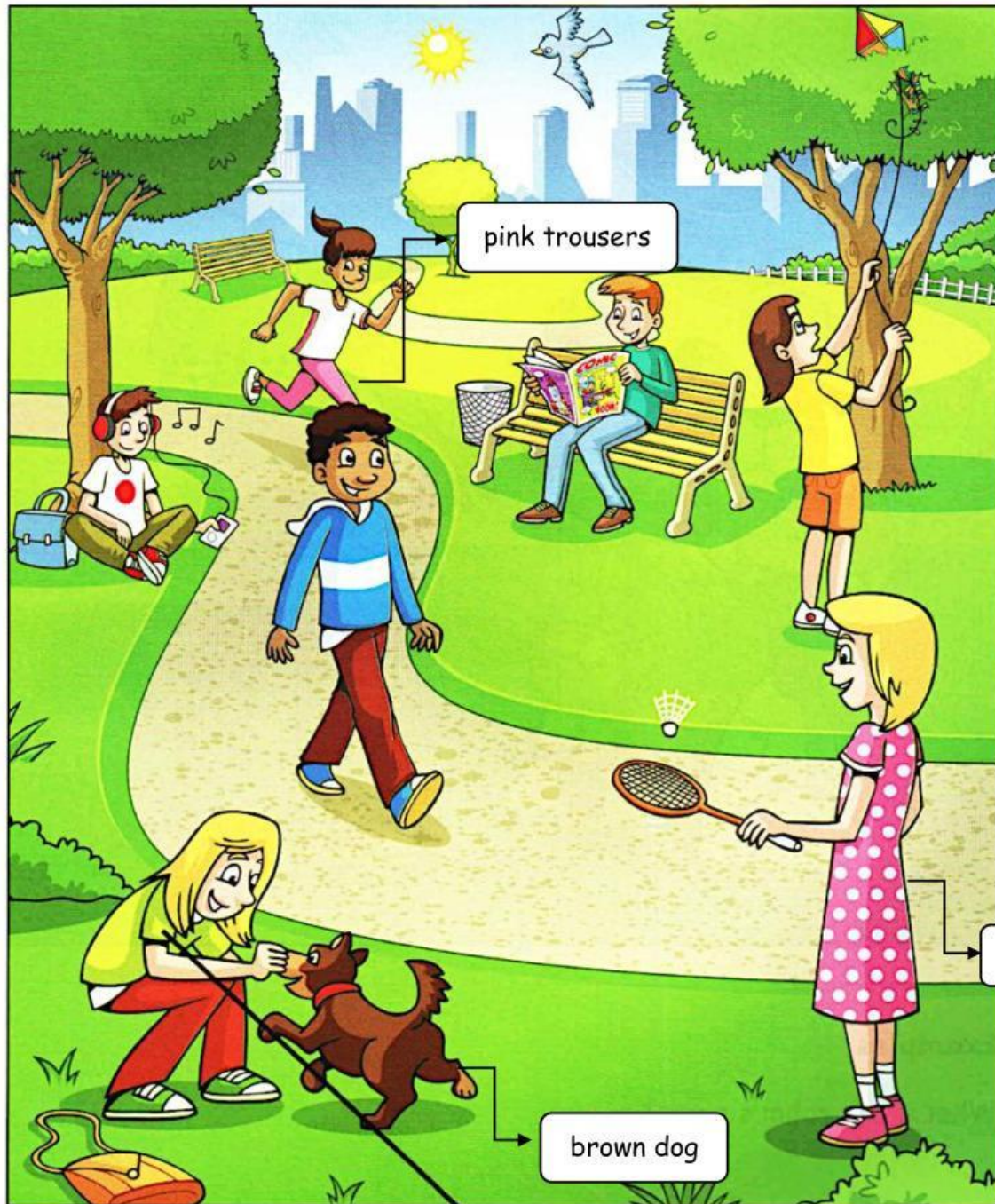
Listen and draw lines. There is one example.

Pat

Mark

Jill

Lucy



Hugo

Alice

Kim